TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HSST
Ngày: 11-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoằng và bà Nguyễn Thị Phi Khanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2021/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HS ngày 30-6-2021 đối với các bị cáo:

1. TÔ VĨNH N, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1984 (Tên gọi khác: Tam mao) tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 1, phường Y, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Chính N, sinh năm 1958 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1959. Hiện cha, mẹ bị cáo đang trú tại tổ 1, phường Y, thành phố P, tỉnh G; bị cáo có 01 em ruột (sinh năm 1988 bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: 02.

- Ngày 27-8-2013, bị Tòa án nhân dân TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* (theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 122/2013/HSST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 30-3-2015, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 13-7-2017, bị Tòa án nhân dân TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 42 tháng tù về tội: *"Cướp giật tài sản"* (theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 88/2017/HSST; chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an. Ngày 16/01/2020, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo TÔ VĨNH N bị tạm giữ từ ngày 27-8-2020 đến ngày 02-9-2020, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. NGUYỄN HOÀI D (Tên gọi khác: Duy tộc), sinh ngày 09 tháng 6 năm 1988 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ 9, phường I, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoài P (đã chết) và bà Trương Thị T, sinh năm 1961. Hiện mẹ bị cáo đang trú tại tổ 9, phường I, thành phố P, tỉnh G; bị cáo có 01 anh ruột (sinh năm 1982).

Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Lâm Thị Kim N, bị cáo có 02 người con, sinh năm 2015 và năm 2020;

Tiền án: không; tiền sự: 01.

- Ngày 21-8-2020, bị Công an TP.Pleiku xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bằng hình thức: Phạt tiền.

Về nhân thân:

- Ngày 09-5-2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh G xử phạt 30 tháng tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* (theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 31/2016/HSST; chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an. Ngày 27/01/2018, chấp hành xong hình phạt tù (NGUYỄN HOÀI D đã được xóa án tích đối với lần bị kết án này).

Bị cáo NGUYỄN HOÀI D bị tạm giữ từ ngày 27-8-2020 đến ngày 02-9-2020, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. ĐOÀN HUY N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 22 tháng 10 năm 1984 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 01, phường Y, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Ngọc B (đã chết) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1958. Hiện mẹ bị cáo đang trú tại tổ 01, phường Y, thành phố P, tỉnh G; bị cáo có 03 anh, em ruột (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1992), bản thân bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo ĐOÀN HUY N bị tạm giữ từ ngày 27-8-2020 đến ngày 02-9-2020, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Những người tham gia tố tụng:**

Bị hại:

1. Hà Thanh N, sinh năm 2004; địa chỉ: Làng C, xã K, huyện M, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Hà Thanh N: Anh Hà Duy H, sinh năm 1985; địa chỉ: Làng C, xã K, huyện Y, tỉnh G. Vắng mặt.

2. Đàm Duy H, sinh năm 2004; địa chỉ: Làng Đ, xã K, huyện Y, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Đàm Duy H: Ông Đàm Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ: xã C, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

3. Đàm Vĩnh H, sinh năm 2005; địa chỉ: Làng S, xã K, huyện Y, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Đàm Vĩnh H: Chị Lâm Thị H, sinh năm 1983;

địa chỉ: Làng S, xã K, huyện Y, tỉnh G. Vắng mặt.

4. Hoàng Văn T, sinh năm 2004; địa chỉ: Làng D, xã K, huyện Y, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Hoàng Văn T: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1972; địa chỉ: Làng D, xã K, huyện Y, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Tô Chính N, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 1, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

2. Anh Đoàn Cao N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 1, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

3. Chị Lâm Thị Kim N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: 302 H, tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại là Đàm Vĩnh H: Anh Thiều Hữu M, sinh năm 1985; địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N có quan hệ quen biết nhau; cả ba đều có sử dụng chất ma túy. Chiều ngày 25-8-2020, sau khi cùng nhau sử dụng ma túy ở xã T, TP.P, Vĩnh N khởi xướng và nói với Huy N, D: *"Đi dạo dạo, có gì thì làm"*; Huy N và D hiểu Vĩnh N rủ đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt, thì cả hai đều đồng ý. Vĩnh N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu xám-bạc, biển số 81B1-057.07 chở Huy N, D một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ-đen (chưa xác định được biển số) đi về hướng xã B, TP.P; sau đó, Huy N chuyển sang ngồi sau xe của D. Khi đi đến đường P, xã B, TP.P, Vĩnh N nhìn thấy các cháu Hà Thanh N (sinh ngày 10-7-2004), Đàm Duy H (sinh ngày 29-01-2004), Đàm Vĩnh H (sinh ngày 12-4-2005) và Hoàng Văn T (sinh ngày 21-6-2004) - đều trú tại trú tại xã K, huyện Y, tỉnh G đang điều khiển xe máy chở nhau đi về hướng cầu treo B; Vĩnh N nói với Huy N và D: *"Tụi nó có máy kìa"*, ý nói cho Huy N và D biết các cháu N, H, H1, T có điện thoại di động và khởi xướng việc chiếm đoạt điện thoại di động của các cháu trên. Vĩnh N, Huy N và D đuổi theo sau nhóm các cháu N, H, H1, T. Lúc này khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến đoạn đường vắng người gần cầu treo thuộc Thôn 4, xã B, TP.P, Vĩnh N điều khiển xe mô tô 81B1-057.07 vượt lên chặn nhóm các cháu N, H, H1, T lại và nói: *"Tụi bay tấp hết vô lề";* xe mô tô do D chở Huy N dừng lại chặn phía sau. Huy N xuống xe nói to: *"Mấy thằng bay vừa chọc con bé em tao phải không",* thì lập tức Vĩnh N đưa tay lên dọa đánh còn D dùng tay đánh vào người các cháu N, H, H1, nhưng không gây thương tích gì. D nói: *"Tụi bay đưa hết điện thoại ra đây";* do đoạn đường vắng người và thấy thái độ hung hãn của Vĩnh N, Huy N, D, nên các cháu N, H, H1, T không dám phản

ứng gì. Ngay sau đó, D thò tay vào túi quần của N lấy điện thoại di động hiệu Huawei Y7 Pro màu đen, H1 tự đưa cho D điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 9S màu xanh, H tự đưa cho D 01 điện thoại di động hiệu Realme 5S màu đỏ và 01 tai nghe Bluetooth NFC Awei A840BL; riêng T không có tài sản gì. Sau khi chiếm đoạt các tài sản trên, D giao xe mô tô của mình cho Huy N điều khiển, còn Vĩnh N chở D bỏ đi khỏi hiện trường. Một lúc sau, cả ba gặp nhau ở Quảng trường Đại Đoàn Kết, TP.P và thống nhất giao 03 điện thoại di động vừa chiếm đoạt được cho Vĩnh N đi bán; Vĩnh N đến cửa hàng điện thoại Hoàn Thiện (số 302 đường H, Tổ 01, phường H, TP.P) bán 03 điện thoại di động trên cho ông Nguyễn Văn Q (sinh năm 1987, là chủ cửa hàng) được 3.500.000 đồng. T bán điện thoại di động mà có, Vĩnh N chia cho Huy N và D mỗi người 500.000 đồng, đưa cho D 1.000.000 đồng để mua ma túy sử dụng chung; còn lại 1.500.000 đồng, Vĩnh N giữ. Số tiền được chia, Vĩnh N, Huy N và D đã tiêu xài hết. Đối với các cháu N, H1, H và T, sau khi bị chiếm đoạt tài sản đã đến Công an xã B, TP.P trình báo. Đến ngày 26/8/2020, Vĩnh N và Huy N đến Công an TP.P đầu thú; ngày 27/8/2020, D cũng đến Công an TP.P đầu thú. Trên cơ sở lời khai của Vĩnh N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã thu giữ được các điện thoại di động hiệu Huawei Y7 Pro và Xiaomi Redmi Note 9S tại cửa hàng điện thoại Hoàn Thiện; đối với điện thoại di động hiệu Realme 5S màu đỏ, ông Q đã bán lại cho người khác (không xác định được người mua), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Đối với tai nghe Bluetooth NFC Awei A840BL, sau khi chiếm đoạt của Đàm Duy H thì D đã làm rơi mất, nên Cơ quan điều tra cũng không thu giữ được.

Các bị cáo TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Qua định giá, xác định 03 điện thoại di động và 01 tai nghe Bluetooth của Hà Thanh N, Đàm Duy H và Đàm Vĩnh H bị TÔ VĨNH N, ĐOÀN HUY N và NGUYỄN HOÀI D chiếm đoạt vào ngày 25/8/2020, có tổng trị giá 11.300.000 đồng (mười một triệu ba trăm nghìn đồng). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại các điện thoại di động hiệu Huawei Y7 Pro và Xiaomi Redmi Note 9S cho N và H.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 65/CT-VKS ngày 22-4-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo TÔ VĨNH N về tội: "Cướp tài sản", quy định tại các điểm e, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; đối với các bị cáo NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N về tội: "*Cướp tài sản*" được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và Nguyễn Huy N

phạm tội: "*Cướp tài sản*".

Đề nghị áp dụng điểm e, h khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo TÔ VĨNH N với mức án từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 27-8-2020.

Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo NGUYỄN HOÀI D với mức án từ 07 (bảy) năm tù đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27-8-2020.

Đề nghị áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo ĐOÀN HUY N với mức án từ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù đến 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27-8-2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu xám-bạc, biển số 81B1-057.07 là phương tiện TÔ VĨNH N sử dụng đi chiếm đoạt tài sản của người khác cùng các đồng phạm, qua điều tra xác định là tài sản của ông Tô Chính N (sinh năm 1959, là cha của Vĩnh N). Vĩnh N mượn xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại, nhưng sau đó sử dụng đi chiếm đoạt tài sản của người khác, thì ông N không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý đối với xe mô tô 81B1-057.07 nêu trên.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ-đen (chưa xác định được biển số), là phương tiện NGUYỄN HOÀI D sử dụng đi chiếm đoạt tài sản của người khác cùng các đồng phạm, quá trình điều tra Duy khai: Xe mô tô trên do D mượn của đối tượng tên Hải (D không biết rõ nhân thân, địa chỉ - là bạn bè ngoài xã hội) để sử dụng làm phương tiện đi lại, việc D sử dụng xe đi chiếm đoạt tài sản thì Hải không biết và sau đó D đã trả lại xe cho Hải. Do vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để thu giữ, xử lý đối với xe mô tô nêu trên.

Về dân sự: Quá trình điều tra vụ án, TÔ VĨNH N, ĐOÀN HUY N và NGUYỄN HOÀI D đã tác động gia đình bồi thường cho Đàm Duy H số tiền 6.000.000 đồng (mỗi gia đình bồi thường 2.000.000 đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 3.000.000 đồng (mỗi gia đình bồi thường 1.000.000 đồng). Hiện cháu H và ông Q không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25-8-2020, tại đường Phó Đức C đoạn gần cầu treo B, thuộc Thôn 4, xã B, TP.P, tỉnh G, TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N đã cùng nhau chặn xe, rồi dùng tay đánh Hà Thanh N (sinh ngày 10-7-2004), Đàm Duy H (sinh ngày 29-01-2004), Đàm Vĩnh H (sinh ngày 12-4-2005) và Hoàng Văn T (sinh ngày 21-6-2004) để chiếm đoạt của của N, H1, H 03 điện thoại di động các loại và 01 tai nghe Bluetooth, có tổng trị giá 11.300.000 đồng (mười một triệu ba trăm nghìn đồng). Ngày 26/8/2020, TÔ VĨNH N và ĐOÀN HUY N ra đầu thú; ngày 27/8/2020 NGUYỄN HOÀI D ra đầu thú.

Khoản 1 và khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định:

" 1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;…

e) ***Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi,*** *phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;*

g) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

h) ***Tái phạm nguy hiểm".***

Các bị cáo TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N là người đã trưởng thành, có trình độ học vấn nhất định, các bị cáo biết rõ hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm phạm vào sức khỏe và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của chủ sở hữu, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự tại địa phương nhưng các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo TÔ VĨNH N là người khởi xướng, các bị cáo

NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N là người cùng với bị cáo TÔ VĨNH N thực hiện hành vi phạm tội.

Đến thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, trong đó có bị hại Đàm Vĩnh Hưng chưa đủ 16 tuổi, nên hành vi của các bị cáo TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng: *"Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi"*, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo TÔ VĨNH N, đã *"Tái phạm"* (theo Bản án số 88/2017/HSST của Tòa án nhân dân TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai), chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do vậy, bị cáo TÔ VĨNH N còn phạm vào tình tiết định khung tăng nặng: *"Tái phạm nguy hiểm"*, theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Pleiku để xét xử đối với bị cáo TÔ VĨNH N về tội: "*Cướp tài sản*" theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N về tội "*Cướp tài sản*" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, xét cần phân hóa tính chất, vai trò, hành vi của từng bị cáo nhằm xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò và hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra nhằm giáo dục các bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này bị cáo TÔ VĨNH N là người khởi xướng và bị cáo bị truy tố với 02 tình tiết định khung quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo NGUYỄN HOÀI D có 01 tiền sự và nhân thân bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* (theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009) nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Đoàn Huy Ngọc.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Đàm Vĩnh H đồng ý với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo TÔ VĨNH N đã thành khẩn khai báo; Các bị cáo NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo NGUYỄN HOÀI D gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; bị cáo ĐOÀN HUY N có nhân thân tốt, bị cáo là con của người có công với Cách mạng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về dân sự:

Quá trình điều tra vụ án, TÔ VĨNH N, ĐOÀN HUY N và NGUYỄN HOÀI D đã tác động gia đình bồi thường cho Đàm Duy Huấn số tiền 6.000.000 đồng (mỗi gia đình bồi thường 2.000.000 đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 3.000.000 đồng (mỗi gia đình bồi thường 1.000.000 đồng). Tại phiên tòa hôm nay bị hại Đàm Duy H và đại diện hợp pháp cho bị hại và ông Quý đều vắng mặt, theo các tài liệu có tại hồ sơ thì những người này không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với 03 điện thoại di động và 01 tai nghe Bluetooth của Hà Thanh N, Đàm Duy H và Đàm Vĩnh H bị TÔ VĨNH N, ĐOÀN HUY N và NGUYỄN HOÀI D chiếm đoạt vào ngày 25-8-2020. Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku đã xử lý trả lại các điện thoại di động hiệu Huawei Y7 Pro và Xiaomi Redmi Note 9S cho N và H là phù hợp.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu xám-bạc, biển số 81B1-057.07 là phương tiện TÔ VĨNH N sử dụng đi chiếm đoạt tài sản của người khác cùng các đồng phạm, qua điều tra xác định là tài sản của ông Tô Chính N (sinh năm 1959, là cha của Vĩnh Ngọc). Vĩnh N mượn xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại, nhưng sau đó sử dụng đi chiếm đoạt tài sản của người khác, thì ông N không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý đối với xe mô tô 81B1-057.07 nêu trên là phù hợp.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ-đen (chưa xác định được biển số), là phương tiện NGUYỄN HOÀI D sử dụng đi chiếm đoạt tài sản của người khác cùng các đồng phạm, quá trình điều tra Duy khai: Xe mô tô trên do Duy mượn của đối tượng tên Hải (D không biết rõ nhân thân, địa chỉ - là bạn bè ngoài xã hội) để sử dụng làm phương tiện đi lại, việc D sử dụng xe đi chiếm đoạt tài sản thì Hải không biết và sau đó D đã trả lại xe cho Hải. Do vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để thu giữ, xử lý đối với xe mô tô nêu trên là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng gì. Vì vậy, xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với ông Nguyễn Văn Q, là người đã mua các điện thoại di động do bị cáo TÔ VĨNH N cùng đồng phạm cướp được mang đến bán, qua điều tra xác định: Khi mua các điện thoại di động do bị cáo Vĩnh N mang đến bán, ông Q không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét, xử lý đối với ông Q về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có trong vụ án này là có căn cứ.

Đối với đối tượng nam giới là người bị cáo NGUYỄN HOÀI D khai đã bán ma túy cho D ở đường Lý Nam Đế, khu vực gần Bến xe Đ G. Quá trình điều tra do D không biết rõ họ tên, địa chỉ của đối tượng này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng bán ma túy nêu trên, sẽ làm rõ và xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và ĐOÀN HUY N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và Đoàn Huy Ngọc, phạm tội: *"Cướp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm e, h khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo TÔ VĨNH N.

Xử phạt bị cáo TÔ VĨNH N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27-8-2020.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo NGUYỄN HOÀI D.

Xử phạt bị cáo NGUYỄN HOÀI D 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27-8-2020.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đoàn Huy N.

Xử phạt bị cáo ĐOÀN HUY N 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27-8-2020.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo TÔ VĨNH N, NGUYỄN HOÀI D và Đoàn Huy Ngọc, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Đàm Vĩnh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại, người đại diện hợp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Nhàn